

*Gia Lai, ngày 02 tháng 10 năm 2018***BÁO CÁO****Tình hình, kết quả công tác thi hành án dân sự, thi hành án hành chính
năm 2018 của Hệ thống Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai***(Trình kỳ họp thứ Bảy - Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XI- nhiệm kỳ 2016-2021)*

Thực hiện Chương trình trọng tâm của Bộ Tư pháp trong lĩnh vực THADS, thi hành án hành chính và Quyết định phê duyệt Kế hoạch công tác năm 2018 của Tổng cục đối với Cục THADS tỉnh Gia Lai; Chỉ thị số 05/CT-TTg ngày 06/02/2017 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường công tác thi hành án dân sự; Chỉ thị số 23-CT/TU ngày 25/8/2015 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Gia Lai về tăng cường công tác thi hành án dân sự trên địa bàn tỉnh; được sự quan tâm chỉ đạo của Bộ Tư pháp, Tổng cục Thi hành án dân sự, Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh, Hệ thống cơ quan THADS tỉnh Gia Lai tập trung chỉ đạo, triển khai thực hiện quyết liệt, phấn đấu hoàn thành tốt các chỉ tiêu, nhiệm vụ được giao. Đồng thời nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý, lãnh đạo, điều hành Hệ thống THADS tỉnh; nhiều vụ việc thi hành án dân sự phức tạp, khó thi hành đã được kịp thời giải quyết triệt để; công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo về thi hành án dân sự nhất là các vụ việc tồn đọng, kéo dài được Bộ Tư pháp, Tỉnh ủy, UBND tỉnh và Tổng cục chỉ đạo giải quyết kịp thời, đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật, góp phần ổn định an ninh, trật tự trên địa bàn, thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Gia Lai...

Bên cạnh những thuận lợi trong việc triển khai thực hiện nhiệm vụ công tác thi hành án dân sự, còn có một số khó khăn đó là: Gia Lai là tỉnh miền núi, dân số phần đông là người đồng bào dân tộc thiểu, sống rải rác tại địa bàn các huyện trong tỉnh, chủ yếu làm nương rẫy trình độ hạn chế nên việc giải quyết thi hành án đối với những vụ việc liên quan đến người đồng bào dân tộc thiểu số còn gặp khó khăn nhất định như tổng đạt các văn bản giấy tờ về thi hành án, xác minh điều kiện thi hành án, thu các khoản án phí, bồi thường, trợ cấp; nhiều vụ việc thi hành án có giá trị lớn, liên quan đến tín dụng ngân hàng đã kê biên, bán đấu giá tài sản nhưng không có người mua, mặc dù đã giảm giá nhiều lần ...

Cục Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai báo cáo kết quả công tác thi hành án dân sự, hành chính năm 2018 và phương hướng, nhiệm vụ công tác năm 2019 như sau:

I. KẾT QUẢ CÔNG TÁC

1. Tình hình triển khai thực hiện Nghị quyết của Quốc hội, Quyết định của Bộ trưởng, của Tổng Cục trưởng về thực hiện chỉ tiêu nhiệm vụ năm 2018 và triển khai thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự

1.1. Tình hình quán triệt, tiếp tục triển khai thực hiện Nghị quyết của Quốc hội, Quyết định của Bộ trưởng ban hành Chương trình trọng tâm của Bộ Tư pháp trong lĩnh vực THADS, Quyết định của Tổng cục trưởng về thực hiện chỉ tiêu nhiệm vụ năm 2018:

Cục Thi hành án dân sự tỉnh đã quán triệt, triển khai thực hiện chỉ tiêu nhiệm vụ thi hành án dân sự theo Quyết định số 2566/QĐ-BTP ngày 14/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành Chương trình trọng tâm của Bộ Tư pháp trong lĩnh vực THADS và Quyết định số 1194/QĐ-TCTHADS ngày 18/12/2017 của Tổng cục trưởng Tổng cục Thi hành án dân sự về việc giao chỉ tiêu nhiệm vụ cho các cơ quan thi hành án dân sự địa phương, đồng thời giao chỉ tiêu nhiệm vụ cụ thể cho các Chi cục Thi hành án dân sự huyện, thị xã, thành phố trên cơ sở chỉ tiêu được giao. Bên cạnh đó, Cục Thi hành án dân sự tỉnh cũng đã xây dựng Kế hoạch công tác năm 2018 trình UBND tỉnh cho ý kiến, đã được Tổng cục Thi hành án dân sự phê duyệt.

1.2. Tình hình triển khai thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự và các văn bản hướng dẫn thi hành:

Việc triển khai thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự và các văn bản hướng dẫn thi hành luôn được lãnh đạo Cục Thi hành án dân sự tỉnh quan tâm, chỉ đạo, hướng dẫn kịp thời để đảm bảo việc tổ chức thi hành án của các Chấp hành viên đúng theo trình tự, thủ tục pháp luật quy định.

Thực hiện nghiêm chỉ đạo của Tổng cục trong việc tổ chức triển khai thực hiện các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn về thi hành án dân sự, rà soát thực hiện đầy đủ nhiệm vụ do Bộ Tư pháp, Tổng cục THADS giao. Trong năm 2018, Cục Thi hành án dân sự tỉnh đã triển khai đầy đủ các văn bản pháp luật về thi hành án dân sự, giải quyết khiếu nại, tố cáo trong thi hành án dân sự, công tác tài chính kế toán, tổ chức cán bộ, luật bồi thường nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành... đến đơn vị trực thuộc và tổ chức kiểm tra thực hiện theo Kế hoạch.

1.3. Tình hình, kết quả thực hiện các Kết luận/bút phê/chỉ đạo của Lãnh đạo Bộ, Lãnh đạo Tổng cục:

Trong năm 2018, Cục Thi hành án dân sự tỉnh nghiêm túc thực hiện chỉ đạo của Lãnh đạo Bộ Tư pháp, Lãnh đạo Tổng cục THADS về công tác thi hành

án dân sự; tổ chức quán triệt, chỉ đạo đến toàn thể cán bộ công chức và xây dựng kế hoạch thực hiện (Quyết định số 85/QĐ-BTP ngày 10/01/2018 của Bộ Tư pháp; Công văn số 276/TCTHADS-VP ngày 24/01/2018 của Tổng cục THADS về triển khai thực hiện Quyết định ban hành Chương trình hành động của Ngành Tư pháp triển khai thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2018 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu chỉ đạo điều hành thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2018; Quyết định số 27/QĐ-BTP về Quy chế phát ngôn và cung cấp thông tin cho báo chí của Bộ Tư pháp và Hệ thống Thi hành án dân sự; Chỉ thị số 01/CT-BTP ngày 25 tháng 01 năm 2018 của Bộ Tư pháp về việc tổ chức Tết Nguyên đán Mậu Tuất 2018; Văn bản pháp luật có liên quan đến công tác thi hành án dân sự được thông qua tại kỳ họp thứ 4, kỳ họp thứ 5, Quốc hội khóa XIV; Văn bản số 1656/TCTHADS-VP về việc triển khai thực hiện kết luận của Thủ trưởng Trần Tiến Dũng tại Hội nghị sơ kết công tác THADS, hành chính 06 tháng đầu năm 2018; Kế hoạch số 72-KH/BCS ngày 14/8/2018 của Ban Cán sự Đảng Bộ Tư pháp về kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện nhiệm vụ cải cách Tư pháp của Ngành Tư pháp năm 2018; Kế hoạch số 69-KH/BCS ngày 28/6/2018 của Ban Cán sự Đảng Bộ Tư pháp thực hiện Thông báo số 421-TB/UBKTTW của Ủy ban Kiểm tra Trung ương về kết quả giám sát của BCS Đảng Bộ Tư pháp).

2. Kết quả đạt được

2.1. Kết quả thi hành án dân sự thực hiện theo Nghị quyết số 111/2015/QH13 của Quốc hội:

a) Kết quả thi hành án dân sự về việc và về tiền năm 2018 (*từ ngày 01/10/2017 đến ngày 30/9/2018*)

Về việc, tổng số thụ lý là **14.680** việc, trong số có điều kiện (10.940 việc), đã giải quyết xong **8.303** việc, đạt tỷ lệ **75,90%** (*so với chỉ tiêu được Quốc hội giao, vượt 5,9%*). So với năm 2017, giảm 268 việc (3,1%) và giảm 3% về tỷ lệ.

Về tiền, tổng số tiền thụ lý là 1.138 tỷ 758 triệu 527 nghìn đồng, trong số có điều kiện (517ty 591triệu 436 ngàn đồng), đã giải quyết xong 186ty 061triệu 351 ngàn đồng, đạt tỷ lệ **35,94%** (*so với chỉ tiêu Quốc hội giao, vượt 5,94%*). So với năm 2017, giảm 91.497.548 ngàn đồng (33%) và giảm 9% về tỷ lệ.

(*Số liệu cụ thể có Phụ lục kèm theo*)

b) Về tình hình thực hiện một số chỉ tiêu khác theo Nghị quyết số 37 của Quốc hội:

Ra quyết định thi hành án đúng thời hạn đối với 100% các bản án, quyết định về dân sự đã có hiệu lực theo đúng quy định của pháp luật; Bảo đảm chính xác, đúng pháp luật trong việc xác minh, phân loại án dân sự có điều kiện thi

hành và chưa có điều kiện thi hành; Cơ bản khắc phục tình trạng vi phạm pháp luật trong hoạt động thi hành án.

2.2. Công tác tiếp công dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo:

- Công tác tiếp công dân

Thực hiện Luật Tiếp công dân, Cục Thi hành án dân sự tỉnh và các Chi cục Thi hành án dân sự cấp huyện đều cử cán bộ trực tiếp công dân tất cả các ngày làm việc trong tuần và Lãnh đạo thực hiện việc tiếp công dân định kỳ hàng tháng theo Quy chế ban hành.

Năm 2018, đã tiếp 92 lượt công dân (tại Cục: 31 lượt, tại các Chi cục: 61 lượt) đến trụ sở cơ quan thi hành án để phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo liên quan đến công tác thi hành án dân sự.

- Công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo về thi hành án dân sự.

Toàn tỉnh tiếp nhận 77 đơn khiếu nại (giảm 20 đơn so với cùng kỳ) và 18 đơn tố cáo (giảm 29 đơn so với cùng kỳ), gồm: tại Cục là 39 đơn khiếu nại và 11 đơn tố cáo, tại các Chi cục Thi hành án dân sự là 38 đơn khiếu nại và 07 đơn tố cáo.

Sau khi phân loại, số việc thuộc thẩm quyền của cơ quan thi hành án dân sự đã thụ lý, giải quyết: 46 việc khiếu nại và 11 việc tố cáo (trong đó: tại Cục 13 việc khiếu nại và 04 việc tố cáo, tại các Chi cục 33 việc khiếu nại và 07 việc tố cáo); Số đơn không thuộc thẩm quyền giải quyết: 31 đơn khiếu nại và 07 đơn tố cáo.

Kết quả giải quyết:

+ Tại Cục: Đã giải quyết: 13/13 việc khiếu nại, đạt tỷ lệ 100% (trong đó, ban hành 11 Quyết định giải quyết khiếu nại (chấp nhận khiếu nại 02 vụ việc, chấp nhận một phần nội dung khiếu nại 01 vụ việc, không chấp nhận khiếu nại 08 vụ việc) và đình chỉ giải quyết 02 việc khiếu nại; 04/04 việc tố cáo, đạt tỷ lệ 100% (trong đó, ban hành 03 Kết luận nội dung tố cáo (02 việc tố cáo không có cơ sở, 01 việc tố cáo đúng một phần) và đình chỉ giải quyết 01 việc tố cáo).

Chuyển 25 đơn khiếu nại, 05 đơn tố cáo cho Chi cục THADS cấp huyện giải quyết theo thẩm quyền. Trả lời bằng công văn 01 đơn tố cáo do không có cơ sở để giải quyết lại tố cáo. Đình chỉ giải quyết 01 đơn khiếu nại và 01 đơn tố cáo do người khiếu nại, tố cáo rút đơn trước khi thụ lý giải quyết khiếu nại, tố cáo.

+ Tại Chi cục: Đã giải quyết 32/33 việc khiếu nại, đạt tỷ lệ 97% (trong đó, ban hành 14 Quyết định giải quyết khiếu nại (chấp nhận khiếu nại 02 vụ việc, không chấp nhận khiếu nại 12 vụ việc); đình chỉ 18 việc khiếu nại) và 06/07 việc tố cáo, đạt tỷ lệ 86% (trong đó, ban hành 05 kết luận tố cáo (đều là tố

cáo không có cơ sở); 01 đình chỉ tố cáo); Chuyển 05 đơn khiếu nại do đơn không thuộc thẩm quyền. Chuyển kỳ sau tiếp tục giải quyết: 01 việc khiếu nại, 01 việc tố cáo.

Số vụ việc liên quan đến cưỡng chế kê biên tài sản là 03 (01 việc khiếu nại chậm tiến hành kê biên tài sản theo quyết định cưỡng chế kê biên, xử lý tài sản; 01 việc khiếu nại quyết định cưỡng chế kê biên, xử lý tài sản; 01 việc khiếu nại liên quan đến việc cưỡng chế kê biên, xử lý tài sản). Không có vụ việc liên quan đến cưỡng chế giao tài sản bán đấu giá.

2.3. Công tác tổ chức, cán bộ:

- Về tổ chức, bộ máy:

Tính đến 30/9/2018, cơ quan Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai thực hiện 169/172 biên chế được giao, 62 hợp đồng lao động không xác định thời hạn theo quy định tại Nghị định số 68/2000/NĐ-CP và 04 hợp đồng Kế toán Nghề vụ theo Đề án.

Bộ máy lãnh đạo gồm: Cục trưởng, 03 Phó Cục trưởng, 05 Trưởng phòng, 08 Phó Trưởng phòng; Có 17 Chi cục trưởng, 20 Phó Chi cục trưởng, mỗi Chi cục có từ 01 đến 02 Phó Chi cục trưởng (Chi cục THADS thành phố Pleiku có 03 Phó Chi cục trưởng).

Cơ cấu ngạch công chức: Có 75 Chấp hành viên (Trong đó: 10 Chấp hành viên trung cấp và 65 Chấp hành viên sơ cấp), 01 Thẩm tra viên chính, 15 Thẩm tra viên, 34 Thư ký (gồm 27 Thư ký THA và 07 Thư ký trung cấp THA), 22 kế toán (trong đó 17 kế toán trưởng), 06 Chuyên viên và 16 công chức khác.

- Về công tác cán bộ:

+ *Công tác bổ nhiệm, bổ nhiệm lại*: Trong năm 2018, Cục Thi hành án dân sự tỉnh đã đề nghị và được Tổng cục bổ nhiệm: 01 Phó Cục trưởng, 04 Chi cục trưởng (Chư Prông, Kông Chro, Đăk Đoa, Đức Cơ); Điều động, bổ nhiệm: 02 Chi cục trưởng (Chư Păh, Krông Pa); miễn nhiệm: 01 Chi cục trưởng; bổ nhiệm lại: 02 Chi cục trưởng (An Khê, Phú Thiện).

Cục trưởng bổ nhiệm: 01 Phó Chi cục trưởng; điều động, bổ nhiệm: 03 Phó Chi cục trưởng; bổ nhiệm: 01 Trưởng phòng, 01 Phó trưởng phòng; kéo dài thời gian giữ chức vụ 01 Phó Chánh Văn phòng (quy định tại khoản 6 Điều 21 Thông tư 02/2017/TT-BTP ngày 23/3/2017 của Bộ Tư pháp); bổ nhiệm lại: 01 Trưởng phòng, 01 Phó Trưởng phòng và 02 Phó Chi cục trưởng; không bổ nhiệm lại: 01 Phó Chi cục trưởng.

+ *Công tác điều động, cho chuyển công tác*: Điều động 17 công chức, giải quyết cho 02 công chức chuyển công tác ra khỏi hệ thống THADS theo nguyện vọng.

+ *Công tác quy hoạch*: Trình Tổng cục xin chủ trương quy hoạch lãnh đạo Cục giai đoạn 2021-2026, đến nay đã có chủ trương quy hoạch Phó Cục trưởng.

Phê duyệt rà soát, bổ sung quy hoạch chức danh Lãnh đạo Phòng chuyên môn giai đoạn 2017-2021 và quy hoạch giai đoạn 2021-2026; Trình và được Tổng cục THADS phê duyệt rà soát, bổ sung quy hoạch chức danh Chi cục trưởng giai đoạn 2018-2021 và xây dựng quy hoạch chức danh Chi cục trưởng giai đoạn 2021-2026 đối với 12/17 Chi cục THADS cấp huyện (đối với 05 Chi cục còn lại hiện đang chờ ý kiến hiệp ý của Cấp ủy địa phương).

+ *Công tác tuyển dụng*: Trong năm 2018, Tổng cục THADS quyết định tuyển dụng 05 công chức (Cục 02 công chức và Chi cục 03 công chức).

+ *Công tác đào tạo, bồi dưỡng*: Tổng cục THADS cử 03 công chức bồi dưỡng ngạch Chấp hành viên cao cấp. Cục trưởng cử 03 công chức bồi dưỡng Trung cấp Lý luận Chính trị - Hành chính; 08 công chức bồi dưỡng ngạch Chấp hành viên trung cấp; 03 công chức bồi dưỡng Nghiệp vụ Thư ký THA; 02 công chức bồi dưỡng nghiệp vụ Thẩm tra viên; 10 công chức bồi dưỡng ngạch Kế toán viên. Ngoài ra, cử 08 công chức dự thi vào ngạch Chấp hành viên sơ cấp.

+ *Công tác thi đua, khen thưởng*: Tặng giấy khen cho 11 tập thể và 23 cá nhân có thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ 6 tháng, 9 tháng và đợt thi đua cao điểm lập thành tích chào mừng 72 năm Ngày Truyền thống Thi hành án dân sự (19/7/2046-19/7/2018).

+ *Việc thực hiện chế độ chính sách đối với cán bộ, công chức*: Thực hiện đúng quy định, bảo đảm quyền và lợi ích về chế độ chính sách đối với công chức và người lao động trong toàn tỉnh như chế độ nâng bậc lương, chế độ phụ cấp thâm niên nghề, thâm niên vượt khung, chế độ bảo hiểm xã hội, nghỉ hưu, nghỉ phép,...

- Về tình hình và kết quả xử lý vi phạm kỷ luật, xử lý vi phạm pháp luật của Chấp hành viên, công chức cơ quan Thi hành án.

Quyết định kỷ luật buộc thôi việc đối với 01 công chức tự ý bỏ việc.

2.4. Công tác hướng dẫn, chỉ đạo nghiệp vụ và công tác kiểm tra:

a) Công tác hướng dẫn, chỉ đạo nghiệp vụ

- Tính đến ngày 30/9/2018, đã tiếp nhận 1 văn bản xin ý kiến hướng dẫn, chỉ đạo nghiệp vụ, đã xem xét, giải quyết 1/1 văn bản, đạt tỷ lệ 100%.

- Tình hình thực hiện Quy trình hướng dẫn nghiệp vụ trong nội bộ Hệ thống THADS (kèm theo Quyết định số 824/QĐ-TCTHADS ngày 03/12/2014);

Quy trình tổ chức thi hành án (kèm theo Quyết định số 273/QĐ-TCTHADS ngày 22/02/2017).

Quá trình tổ chức thực hiện, trong trường hợp các đơn vị có khó khăn, vướng mắc về nghiệp vụ đều được trao đổi, thống nhất và hướng dẫn thực hiện đúng theo Quy trình của Tổng cục Thi hành án dân sự.

Quyết định thành lập tổ công tác, ban hành Kế hoạch kiểm tra và thực hiện kiểm tra việc bán đấu giá tài sản nhiều lần không thành và những vụ việc bán đấu giá tài sản thành nhưng chưa giao được tài sản cho người mua trúng đấu giá tại các Chi cục THADS huyện Chư Sê, Ia Grai, KBang, Đức Cơ, thị xã An Khê, Krông Pa, Ia Pa, Mang Yang, Chư Prông, Chư Puh và thành phố Pleiku.

b) Công tác kiểm tra

Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự tỉnh đã ban hành Quyết định số 107/QĐ-CTHADS ngày 24/01/2018 về việc ban hành Kế hoạch kiểm tra công tác thi hành án dân sự, thi hành án hành chính năm 2018 tiến hành kiểm tra toàn diện 12 Chi cục và kiểm tra chuyên đề 02 Chi cục.

Trong năm đã tiến hành 12 cuộc kiểm tra toàn diện tại các Chi cục Thi hành án dân sự cấp huyện gồm: Ayun Pa, Đăk Đoa, Kong Chro, Chư Sê, Krông Pa, Chư Păh, Đăk Po, Ia Grai, Đức Cơ, Phú Thiện, Ia Pa và KBang. Qua kiểm tra, đã kịp thời phát hiện và chấn chỉnh những sai phạm trong công tác nghiệp vụ, tổ chức thi hành án, công tác giải quyết khiếu nại tố cáo và các nội dung khác có liên quan đến hoạt động của các đơn vị được kiểm tra. Từ đó, giúp các Chi cục khắc phục những tồn tại, thiếu sót, tháo gỡ những khó khăn vướng mắc nhằm nâng cao công tác thi hành án dân sự, thực hiện tốt nhiệm vụ được giao.

Các cuộc kiểm tra đều thực hiện đúng quy trình, việc áp dụng biêu mẫu trong quá trình kiểm tra theo đúng quy định tại Quyết định số 83/QĐ-TCTHADS ngày 28/01/2015 của Tổng Cục trưởng Tổng Cục Thi hành án dân sự về việc ban hành Quy trình kiểm tra công tác thi hành án dân sự. Việc kiểm tra luôn đảm bảo khách quan, có trọng tâm, chính xác, đầy đủ và kịp thời. Kết thúc kiểm tra đều có Kết luận kiểm tra, nội dung Kết luận chỉ rõ những ưu điểm, khuyết điểm, biện pháp khắc phục và cá thể hóa trách nhiệm của từng cá nhân để có biện pháp xử lý thích hợp.

2.5. Công tác thi hành án hành chính:

- Tình hình thực hiện Luật tố tụng hành chính năm 2015, Nghị định số 71/2016/NĐ-CP và các văn bản hướng dẫn thi hành có liên quan đến công tác thi hành án hành chính trên địa bàn và trong hệ thống các cơ quan THADS;

Cục Thi hành án dân sự tỉnh đã nghiêm túc quán triệt Luật tố tụng hành chính năm 2015, Nghị định số 71/2016/NĐ-CP và các văn bản hướng dẫn thi

hành có liên quan đến công tác thi hành án hành chính tới toàn thể cán bộ công chức.

- Thống kê kết quả theo dõi thi hành các bản án, quyết định của Tòa án về vụ án hành chính trong kỳ báo cáo (PL THAHC).

- Trong năm 2018 Cục Thi hành án dân sự tỉnh đã thực hiện theo dõi 01 vụ thi hành án hành chính theo quyết định của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai; kết quả thi hành: đã thi hành được một phần, còn lại đang tiếp tục theo dõi thực hiện theo quy định của pháp luật.

2.6. Công tác bồi thường Nhà nước và bảo đảm tài chính:

- Về công tác bồi thường Nhà nước trong lĩnh vực THADS: Tính đến ngày 30/9/2018, đã xem xét, giải quyết 02 việc bồi thường (trong đó, thụ lý mới 01 việc, kỳ trước chuyển sang 01 việc). Kết quả giải quyết: Ban hành Quyết định không chấp nhận bồi thường 01 việc (hiện người yêu cầu bồi thường đang khởi kiện tại Tòa án) và đình chỉ giải quyết 01 việc do người yêu cầu bồi thường rút đơn không tiếp tục yêu cầu bồi thường.

- Về công tác bảo đảm tài chính trong lĩnh vực THADS, tính đến ngày 30/9/2018, có tổng số **0 việc** về bảo đảm tài chính với tổng nghĩa vụ phải thi hành án là **0 đồng**.

2.7. Công tác tài chính, kế toán:

* Kế toán hành chính sự nghiệp (từ 01/01 đến 31/07/2018)

Xét duyệt và Tổng hợp báo cáo quyết toán chi ngân sách năm 2017; Cấp phát dự toán chi ngân sách 2018 cho các Chi cục theo đúng định mức và hướng dẫn của Tổng Cục THADS.

Hoàn thành việc mua sắm cấp phát trang phục ngành thi hành án năm 2016 -2017 đúng chế độ, niêm hạn; kiểm tra hiện trạng thuê nhà kho bảo quản tang tài vật thi hành án năm 2018.

Xây dựng dự toán chi ngân sách năm 2019 và kế hoạch tài chính 03 năm 2019-2012; thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo định kỳ và đột xuất theo yêu cầu của Tổng cục THADS, Bộ Tư pháp.

Kiểm tra quyết toán chi ngân sách 06 tháng đầu năm đối với 17 đơn vị dự toán trực thuộc, qua đó kịp thời chấn chỉnh công tác kế toán hành chính.

* Kế toán nghiệp vụ thi hành án:

Kiểm tra kế toán nghiệp vụ THA theo kế hoạch kiểm tra của Đoàn kiểm tra toàn diện công tác thi hành án tại 12 đơn vị.

Tổng hợp báo cáo tài chính, báo cáo phí THA, báo cáo chi phí cưỡng chế THA năm 2017, quý 1,2,3,4 và năm 2018.

Thực hiện rà soát tiền tồn trên tài khoản tạm giữ từ 2017 trở về trước.

2.8. Công tác phối hợp trong thi hành án dân sự:

- Công tác phối hợp, chỉ đạo giữa các bộ, ngành trong việc hoàn thiện thể chế

Trong năm 2018, Cục Thi hành án dân sự tỉnh đã phối hợp với Toà án nhân dân và Viện Kiểm sát nhân dân giải quyết khó khăn, vướng mắc về thi hành án dân sự đối với một số vụ việc liên quan đến vật chứng tồn kho mà Tòa án tuyên có sai sót và đã có văn bản đề nghị Tòa án giải thích, đính chính theo quy định. Phối hợp với Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh rà soát, khắc phục Kết luận, Kháng nghị, Kiến nghị trong công tác kiểm sát thi hành án và giải quyết một số vụ việc phức tạp tồn đọng kéo dài, nhất là các vụ việc có phát sinh khiếu nại, tố cáo.

- Công tác phối hợp, chỉ đạo tổ chức thi hành hình phạt tiền và trách nhiệm dân sự của người phải thi hành đang chấp hành án phạt tù và việc xét giảm thời hạn chấp hành án phạt tù, đặc xá.

Phối hợp với Trại giam để giải quyết các khoản tiền thu của đương sự nộp tại trại giam và báo cáo kết quả thực hiện theo Kế hoạch kiểm tra liên ngành của Tổng cục Thi hành án dân sự và Tổng cục VIII – Bộ Công an về công tác phối hợp với các trại giam trên địa bàn tỉnh Gia Lai trong công tác thi hành án dân sự.

- Tình hình, kết quả thực hiện các Quy chế phối hợp liên ngành: Quy chế phối hợp liên ngành số 14/2013/QCLN/BTP-BCA-TANDTC-VKSNDTC ngày 09/10/2014 của Bộ Tư pháp, Bộ Công an, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao; Quy chế phối hợp với Ngân hàng Nhà nước và kết quả xử lý các vụ việc thi hành án liên quan đến hoạt động tín dụng, ngân hàng; Quy chế phối hợp với Bảo hiểm xã hội Việt Nam theo chỉ đạo của Bộ, Tổng cục...

Thực hiện Kết luận Kiểm sát của Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Cục Thi hành án dân sự tỉnh đã nghiêm túc khắc phục tồn tại, hạn chế, kiến nghị của Đoàn Kiểm sát trong công tác thi hành án dân sự, đồng thời chỉ đạo các Chi cục THADS cấp huyện triển khai thực hiện triệt để Kết luận kiểm sát tại đơn vị. Bên cạnh đó, tổ chức làm việc với Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh trong việc rà soát, khắc phục kháng nghị, kiến nghị trong công tác kiểm sát thi hành án và giải quyết một số vụ việc phức tạp; phối hợp Ngân hàng Thương mại trên địa bàn trong việc giải quyết vụ việc về tín dụng ngân hàng.

Phối hợp với Ngân hàng Nhà nước và các Ngân hàng thương mại trên địa bàn tỉnh trong việc giải quyết vụ việc liên quan đến án tín dụng ngân hàng và xử lý tài sản có giao dịch bảo đảm để thi hành án dân sự.

3. Những tồn tại, hạn chế, khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân

3.1. Tồn tại, hạn chế:

Ý thức chấp hành pháp luật của đương sự không cao, có tình chây òi, kéo dài việc thi hành án, một số Chấp hành viên chưa chủ động trong xử lý công việc, chậm báo cáo, đề xuất phương án giải quyết đối với một số nhiệm vụ phát sinh. Qua công tác kiểm tra vẫn còn xảy ra vi phạm về quy trình, nghiệp vụ về thi hành án dân sự.

Công tác giải quyết khiếu nại còn gặp nhiều khó khăn do ngày càng có nhiều trường hợp đương sự lợi dụng quyền công dân, phương tiện thông tin đại chúng để khiếu nại nhiều lần gửi đơn thư đến nhiều cơ quan ban ngành với nội dung không chính xác để cản trở, kéo dài tiến độ giải quyết án.

3.2. Khó khăn, vướng mắc:

Việc phân loại án chưa có quy định cụ thể đối với những trường hợp giải quyết theo Điều 90 Luật Thi hành án dân sự và trường hợp giải quyết theo Nghị quyết số 42/2017/QH14 của Quốc hội do vậy còn tồn tại nhiều khó khăn trong việc giải quyết thi hành án.

Một số việc đã kê biên, thẩm định giá và bán đấu giá nhiều lần nhưng không có người mua tài sản làm ảnh hưởng đến kết quả thi hành án dân sự trong năm 2018.

Một số vụ việc có số tiền phải thi hành rất lớn, tài sản thế chấp đảm bảo tại Ngân hàng nhưng khi xác minh, cưỡng chế kê biên lại phát sinh tranh chấp do tài sản thế chấp đã chuyển nhượng không còn nguyên hiện trạng, giá trị thực tế thấp không đảm bảo được khoản tiền vay phải thi hành án. Sau khi có tranh chấp, tòa án có thẩm quyền thụ lý nhưng chậm giải quyết làm kéo dài thời gian thi hành án.

Trong công tác giải quyết án hiện nay, việc đăng ký quyền sở hữu, thế chấp tài sản và xử lý tài sản thế chấp tại các Ngân hàng hoặc việc xác minh cung cấp, xác nhận thông tin của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về tài sản của người phải thi hành án (đặc biệt tại Chi nhánh văn phòng đăng ký QSD đất) còn chậm, ảnh hưởng nhất định việc áp dụng biện pháp cưỡng chế thi hành án theo quy định pháp luật.

3.3. Nguyên nhân:

- Vô chủ quan

Năng lực, kỹ năng làm việc của một số Chấp hành viên, công chức còn hạn chế, chưa chủ động trong xử lý công việc được giao, chậm báo cáo, đề xuất phương án giải quyết.

Công tác tự kiểm tra thực hiện theo sự chỉ đạo, hướng dẫn tại đơn vị chưa được thực hiện thường xuyên nên vẫn còn sót khi thực hiện quy trình nghiệp vụ thi hành án.

- Về khách quan

Quy định pháp luật về thi hành án dân sự còn chưa chặt chẽ, cơ chế, chính sách áp dụng thực hiện chưa thống nhất, đồng bộ vào việc triển khai thực hiện nhiệm vụ công tác thi hành án dân sự nên còn có mặt hạn chế nhất định

Một số cơ quan hữu quan chưa tích cực phối hợp với cơ quan thi hành án dân sự làm cho việc thi hành án bị kéo dài, cơ chế quản lý tài sản, thu nhập của cá nhân, tổ chức chưa chặt chẽ, gây khó khăn cho việc xác minh, xử lý tài sản.

Ý thức chấp hành pháp luật của người phải thi hành án chưa cao, nhiều trường hợp cố tình chây òn, không tự nguyện thi hành án, lấy quyền khiếu nại, tố cáo nhằm mục đích trì hoãn, kéo dài thời gian ảnh hưởng đến công tác cưỡng chế, nhất là các vụ việc liên quan đến đất đai.

*Đánh giá chung:

- Trong năm, việc triển khai, thực hiện nhiệm vụ trọng tâm của Bộ Tư pháp và Tổng cục THADS đã được tham mưu chỉ đạo đầy đủ; thường xuyên đôn đốc, hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ đến các Chi cục trực thuộc. Trên cơ sở Quyết định giao chỉ tiêu, nhiệm vụ của Tổng cục đối với Cục THADS tỉnh đã xây dựng Kế hoạch làm việc với các Phòng chuyên môn thuộc Cục, Chi cục THADS cấp huyện để chỉ đạo, đôn đốc thực hiện nhiệm vụ THADS trên địa bàn; chủ động phối hợp với các cơ quan liên quan (Tòa án, Viện Kiểm sát, Trại giam, chi nhánh Ngân hàng thương mại, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường...) trong quá trình giải quyết thi hành án; làm việc với Huyện ủy, Thị ủy, Thành ủy để phối hợp chỉ đạo công tác THADS trên địa bàn.

- Triển khai thực hiện có hiệu quả Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo cơ chế một cửa theo Quy trình hướng dẫn của Tổng cục ban hành kèm theo Quyết định số 537/QĐ-TCTHADS. Nhằm chỉ đạo, hướng dẫn kịp thời nhiệm vụ của Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo cơ chế một cửa, trong Kế hoạch kiểm tra toàn diện các Chi cục đã lồng ghép tổ chức kiểm tra thực hiện nhiệm vụ một cửa tại Chi cục.

- Việc rà soát, bổ sung quy hoạch các chức danh lãnh đạo Chi cục THADS cấp huyện giai đoạn 2017-2021 và xây dựng mới quy hoạch chức danh lãnh đạo

Chi cục THADS cấp huyện giai đoạn 2021-2026 còn chậm so với yêu cầu của Tổng cục Thi hành án dân sự do một số cấp ủy địa phương chậm cho ý kiến hiệp y quy hoạch (đến nay còn 03 đơn vị chưa có ý kiến hiệp y). Việc sắp xếp, bố trí công chức đảm bảo số lượng biên chế được giao còn chậm.

- Tình hình đơn thư khiếu nại, tố cáo năm 2018 giảm nhiều so với cùng kỳ năm 2017 (khiếu nại giảm 20 đơn, tố cáo giảm 29 đơn). Hầu hết các vụ việc khiếu nại, tố cáo được giải quyết triệt để, công dân không khiếu nại, tố cáo tiếp. Tuy nhiên hiện vẫn còn một số vụ việc do lịch sử để lại (gồm vụ Phùng Thị Kim Oanh, vụ Trần Thị Hiền, vụ Võ Thị Hiền) Cục Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai đã báo cáo xin ý kiến chỉ đạo và Tổng cục Thi hành án dân sự đã có Thông báo số 255/TB-TCTHADS ngày 11/9/2018 thông báo Kết luận của Phó Tổng cục trưởng Nguyễn Văn Lực tại buổi làm việc trực tuyến với Cục Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai ngày 31/8/2018. Cục Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai đang tổ chức thực hiện để sớm giải quyết dứt điểm các vụ việc trên.

II. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU NĂM 2019

1. Phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm năm 2019

Triển khai kịp thời các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của Bộ Tư pháp, Tổng cục Thi hành án dân sự về chuyên môn, nghiệp vụ; các văn bản chỉ đạo, phối hợp của Tỉnh ủy, UBND tỉnh và cơ quan liên quan.

Tập trung xác minh phân loại án, giải quyết các vụ việc thi hành án dân sự đặc biệt là các vụ cỗ số tiền lớn, những vụ việc đang bán đấu giá tài sản để thi hành án. Thường xuyên đôn đốc, kiểm tra đối với các Chấp hành viên, cán bộ công chức khắc phục tồn tại, thực hiện đúng quy trình nghiệp vụ thi hành án và hoàn thành chỉ tiêu, nhiệm vụ được giao năm 2019; rà soát, đề xuất giải pháp giải quyết các khoản tiền còn tồn đọng tại trại giam thu và các khoản tiền tạm thu theo quy định

Tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác của Văn phòng theo Chỉ thị số 15/CT-TTg ngày 22/5/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường sử dụng văn bản điện tử trong hoạt động của cơ quan nhà nước.

Triển khai thực hiện có hiệu quả Kế hoạch cải cách hành chính của Cục và Quyết định 536/QĐ-TCTHADS ngày 11/5/2017 của Tổng cục trưởng Tổng cục Thi hành án dân sự về việc triển khai hỗ trợ trực tuyến thi hành án dân sự; Quyết định số 537/QĐ-TCTHADS ngày 11/5/2017 của Tổng cục trưởng Tổng cục Thi hành án dân sự về việc ban hành Quy trình triển khai thực hiện cơ chế một cửa tại các cơ quan thi hành án dân sự. Đảm bảo thực hiện và chỉ đạo thực hiện có nề nếp, phục vụ chuyên nghiệp đối với công tác một cửa và hỗ trợ trực tuyến trong công tác THADS của Cục và Chi cục THADS cấp huyện.

Tiếp tục thực hiện quy trình kiện toàn chức danh lãnh đạo tại một số đơn vị và quy trình bổ nhiệm lại các chức vụ lãnh đạo khi hết nhiệm kỳ; thực hiện quy trình rà soát, bổ sung quy hoạch và xây dựng mới quy hoạch các chức danh lãnh đạo Chi cục THADS cấp huyện và các chức danh Lãnh đạo Cục; sắp xếp đội ngũ công chức Văn phòng Cục và Chi cục THADS cấp huyện để đảm bảo số lượng biên chế được giao, đồng thời thực hiện tốt nhiệm vụ của đơn vị.

2. Giải pháp chủ yếu

Chỉ đạo thực hiện công tác giải quyết thi hành án dân sự theo chỉ tiêu, nhiệm vụ do Tổng cục THADS giao năm 2019; thường xuyên tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về Luật Thi hành án dân sự, Nghị định số 62/2015/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thi hành án dân sự và văn bản pháp luật có liên quan đến công tác thi hành án dân sự.

Cử công chức tham gia đào tạo, bồi dưỡng để nâng cao trình độ chuyên môn, đảm bảo phù hợp với vị trí việc làm, phục vụ việc định hướng sắp xếp, bố trí công chức. Rà soát, thực hiện tinh giản biên chế, bố trí công tác khác đối với công chức chưa đáp ứng điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định./.

Nơi nhận:

- TT. Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Ban Pháp chế - HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, TH.



CUC TRƯỞNG

A handwritten signature in black ink, appearing to read "Đào Trọng Giáp".

Đào Trọng Giáp

PHỤ LỤC KẾT QUẢ THI HÀNH ÁN

*) Kết quả thi hành án dân sự về việc và về tiền năm 2018 (*từ ngày 01/10/2017 đến ngày 30/9/2018*)

- Về việc, đến hết tháng 9/2017, số cũ chuyển sang là 5.733 việc; từ 01/10/2017 đến 30/9/2018, thụ lý mới 8.947 việc, giảm 477 việc (5%) so với năm 2017. Như vậy, tổng số thụ lý là **14.680** việc, tăng 215 việc (1,5%) so với năm 2017. Kết quả xác minh, phân loại thì có: 10.940 việc có điều kiện giải quyết (chiếm tỷ lệ 75,11%), tăng 41 việc (0,4%) so với năm 2017 và 3.626 việc chưa có điều kiện giải quyết (chiếm tỷ lệ 24,89%). Trong số có điều kiện, đã giải quyết xong **8.303** việc, đạt tỷ lệ **75,90%** (*so với chỉ tiêu được Quốc hội giao, vượt 5,9%*). So với năm 2017, giảm 268 việc (3,1%) và giảm 3% về tỷ lệ.

Số việc chuyển kỳ sau 6.263 việc, trong đó số việc có điều kiện nhưng chưa thi hành xong là 2.637 việc, so với số việc có điều kiện năm 2017 (2.327 việc) tăng 310 việc (tăng 13%) (**PL thống kê 6**).

- Về tiền, đến hết tháng 9/2017, số cũ chuyển sang là 817.428.095 ngàn đồng; từ 01/10/2017 đến 30/9/2018, thụ lý mới 321.330.431 ngàn đồng, giảm 128.035.580 ngàn đồng (28,5%) so với năm 2017. Như vậy, tổng số tiền thụ lý là 1.138 tỷ 758 triệu 527 nghìn đồng, tăng 11.183.107 ngàn đồng (1%) so với năm 2017. Kết quả xác minh, phân loại: 517.591.436 ngàn đồng có điều kiện giải quyết (chiếm tỷ lệ 46,82%), giảm 104.558.215 ngàn đồng (16,8%) so với năm 2017 và 587.962.831 ngàn đồng chưa có điều kiện giải quyết (chiếm tỷ lệ 53,18%). Trong số có điều kiện, đã giải quyết xong 186.061.351 ngàn đồng, đạt tỷ lệ **35,94%** (*so với chỉ tiêu Quốc hội giao, vượt 5,94%*). So với năm 2017, giảm 91.497.548 ngàn đồng (33%) và giảm 9% về tỷ lệ.

Số tiền chuyển kỳ sau 919.492.917 ngàn đồng, trong đó số tiền có điều kiện nhưng chưa thi hành xong là 331.530.086 ngàn đồng, so với số tiền có điều kiện năm 2017 (344.590.752 ngàn đồng) giảm 13.060.666 ngàn đồng (-3,79%) (**PL thống kê 7**).

- Về thi hành án đối với các khoản thu cho Ngân sách Nhà nước, số việc phải giải quyết loại này là 10.306 việc, tương ứng với số tiền là 63.737.130 ngàn đồng (chiếm 70,75% về việc và 5,75% về tiền so với tổng số việc và tiền phải giải quyết). Kết quả: trong số việc loại này, đã giải quyết được 6.744 việc thu được số tiền là 20.693.039 ngàn đồng, đạt tỷ lệ 84,3% về việc và 55,4% về tiền

So với năm 2017, số phải giải quyết tăng 465 việc, số tiền tăng 9.402.996 ngàn đồng, kết quả giải quyết tăng 581 việc và tăng 43.087.683 ngàn đồng, tỷ lệ tăng 3,3% về việc và giảm 7,6% về tiền (**PL thống kê 5 và PL NSNN**).

- Về tình hình giải quyết các vụ việc liên quan đến tín dụng, ngân hàng: số việc phải giải quyết loại này là 422 việc, tương ứng với số tiền là 500.657.707 ngàn đồng (chiếm 3% về việc và 45% về tiền so với tổng số việc và tiền phải giải quyết). Kết quả: trong số việc loại này, đã giải quyết được 61 việc thu được số tiền là 75.753.319 ngàn đồng, đạt tỷ lệ 14,45% về việc và 15,13% về tiền.

So với năm 2017, số phải giải quyết tăng 34 việc, số tiền giảm 3.319.628 ngàn đồng, kết quả giải quyết tăng 9 việc và tăng 5.500.440 ngàn đồng, tỷ lệ giảm 0,93% về việc và giảm 5,2% về tiền (**PL TDNH**).

- Về kết quả xét miễn, giảm thi hành án, các cơ quan Thi hành án dân sự đã phối hợp với Viện Kiểm sát nhân dân cùng cấp rà soát, lập hồ sơ và đề nghị Tòa án nhân dân có thẩm quyền xét miễn, giảm đối với 13 việc, tương ứng với số tiền 63.011.000 đồng. Kết quả: đã thực hiện miễn, giảm được 5 việc với số tiền 47.411.000 đồng.

Số hồ sơ đề nghị xét miễn giảm bằng năm 2017, số tiền tăng 9.031.000 ngàn đồng, kết quả xét miễn giảm bằng năm 2017 về số việc, số tiền tăng 9.031.000 ngàn đồng (**PL thống kê 8**).

- Về kết quả tổ chức thi hành phần dân sự trong các bản án hình sự đối với phạm nhân tại các Trại giam thuộc Bộ Công an: Trong 12 tháng năm 2018, tổng số việc, tiền phải thi hành của người phải thi hành án đang chấp hành hình phạt tù tại trại giam, trại tạm giam là 2.016 việc, tương ứng với 57 tỷ 925 triệu 751 ngàn đồng. Kết quả: Thi hành xong 921 việc, thu được số tiền là 7 tỷ 289 triệu 767 ngàn đồng, đạt tỷ lệ 45,68% về việc và 12,58% về tiền (So với năm 2017, giảm 27 việc và 19 tỷ 303 triệu 537 ngàn đồng; giảm 5,46% tỷ lệ về việc và giảm 52,38% tỷ lệ về tiền) (**PL án trại giam**).

Đánh giá tình hình, kết quả thực hiện Thông tư liên tịch số 07/2013/TTLT-BTP-BCA-BTC ngày 06/02/2013 và Quy chế phối hợp số 911/QCLN-TCTHADS-TCTHAHS ngày 26/11/2015.

Đã xây dựng Kế hoạch và tổ chức sơ kết Quy chế phối hợp trong công tác thi hành án dân sự giữa Cục Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai và Trại giam Gia Trung.

- Về kết quả tổ chức cưỡng chế thi hành án, từ ngày 01/10/2017 đến hết ngày 30/9/2018, các cơ quan thi hành án dân sự đã ra quyết định áp dụng biện pháp cưỡng chế thi hành án đối với 198 trường hợp, giảm 16 trường hợp so với năm 2017, do có 6 trường hợp đương sự tự nguyện thi hành án, nên thực tế số việc phải tổ chức cưỡng chế là 192 trường hợp, tăng 6 trường hợp so với năm 2017, trong đó có 145 cuộc cưỡng chế có huy động lực lượng liên ngành, tăng 44 trường hợp so với năm 2017 (**PL thống kê 10**).

- Kết quả thi hành các vụ án trọng điểm.

Tổng số việc thi hành án dân sự trọng điểm theo danh sách phê duyệt của Tổng cục Thi hành án dân sự tại Quyết định số 121/QĐ-TCTHADS là **49** vụ việc, tương đương số tiền: **2.396.798** ngàn đồng.

Kết quả thi hành, tính đến 30/9/2018 thì theo đề xuất của đơn vị có án trọng điểm, đã đưa ra khỏi danh sách án trọng điểm 09 vụ, tương ứng số tiền 75.000 nghìn đồng. Do đó, tổng số việc thi hành án dân sự trọng điểm hiện còn **40** vụ việc, tương đương số tiền: **2.042.945** nghìn đồng, cụ thể: huyện Chư Puh: 02 việc, tương ứng với số tiền: 972.941 nghìn đồng, huyện Kbang: 01 việc, tương ứng với số tiền: 82.252 nghìn đồng, huyện Chư Prông: 37 việc, tương ứng số tiền 1.266.605 nghìn đồng.

Ví dụ: Vụ việc ông Phạm Văn Ngạn, Trú tại: Thôn 8, xã Sơn Lang, huyện Kbang, tỉnh Gia Lai, phải tháo dỡ 01 căn nhà khung gỗ, vách ván, mái lợp ngói, nền xi măng để trả lại 360m² đất (dài 30m, rộng 12m), có vị trí: Phía Đông giáp vườn nhà ông Thuật, bà Chắc (rộng 12m), phía Tây giáp đường đi KaNát (rộng 12m), phía Nam giáp đất ở của ông Thuật, bà Chắc (dài 30m), phía Bắc giáp nhà ông Giao (dài 30m) cho ông Vũ Ngọc Thuật và bà Phạm Thị Chắc. Tạm giao diện tích đất nói trên cho ông Vũ Ngọc Thuật và bà Phạm Thị Chắc quản lý, sử dụng và ông Vũ Ngọc Thuật và bà Phạm Thị Chắc có trách nhiệm hoàn tất giấy tờ thủ tục về đất đai theo quy định của pháp luật; Buộc ông Phạm Văn Ngạn phải hoàn trả lại vật liệu 01 ngôi nhà khung gỗ dổi, lợp ngói 03 gian, vách thung ván dài 12m, rộng 08m (nhà ông Ngạn đã tháo dỡ trước đây) cho ông Vũ Ngọc Thuật và bà Phạm Thị Chắc (căn nhà này giá trị sử dụng còn lại là 25%, trị giá thành tiền là 8.547.840đ); Buộc ông Phạm Văn Ngạn phải bồi thường cho ông Vũ Ngọc Thuật, bà Phạm Thị Chắc giá trị của 09 cây bời lòi là: 153.000đ và 06 cây cà phê là 251.460đ, tổng cộng là: 404.460đ; Giao cho ông Vũ Ngọc Thuật và bà Phạm Thị Chắc được sở hữu số tài sản do ông Phạm Văn Ngạn xây dựng trên lô đất nói trên gồm 01 giếng nước trị giá 3.146.780đ, 01 chuồng heo trị giá 7.398.300đ và 01 sân xi măng trị giá 154.284đ.

Chi cục Thi hành án dân sự huyện đã nhiều lần phối hợp với chính quyền địa phương, địa chính - xây dựng xã, đại diện lãnh đạo thôn 01 và hộ lân cận, mời đại diện phòng Tài nguyên - môi trường huyện, Viện kiểm sát nhân dân huyện để tiến hành kiểm tra, xác minh và tiến hành giao nhận thực tế diện tích đất là 360m² theo như quyết định của Bản án đã tuyên nhưng ông Vũ Ngọc Thuật và bà Phạm Thị Chắc không đồng ý nhận lại tài sản trên, với lý do: khi thi hành giao trả 360m² đất, đề nghị cơ quan thi hành án phải cắm mốc phần phía Bắc “giáp nhà” ông Giao theo quyết định Bản án số 54/2007/DSPT ngày 31 tháng 8 năm 2007 của TAND tỉnh Gia Lai. Ngày 03/7/2017 Chi cục Thi hành án dân sự huyện có Công văn số 45/CV-CCTHADS kiến nghị Vụ trưởng Vụ giám

đốc kiểm tra II, Tòa án nhân dân tối cao và Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao xem xét lại Bản án số 54/2007/DSPT ngày 31/8/2007 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai. Đến nay, Vụ Giám đốc kiểm tra II-Tòa án nhân dân tối cao vẫn chưa có kết quả giải quyết trả lời theo quy định.

Như vậy, khó khăn vướng mắc trong trường hợp này chính là sự phối hợp giữa các cơ quan chưa được thực hiện tốt. Nội dung Bản án tuyên của Tòa án nhân dân có thẩm quyền khác với thực tế hiện trạng tài sản do đó khi cơ quan thi hành án dân sự tiến hành giao tài sản lại không giao được và vụ việc đến nay vẫn đang chờ ý kiến trả lời của các cơ quan cấp cao.

Vụ việc điển hình trong công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo:

- Vụ việc ông Kim Văn Thả, trú tại 218 Hoàng Văn Thụ, tổ 11, phường Tây Sơn, thị xã An Khê, tỉnh Gia Lai có Đơn khiếu nại Chấp hành viên, Chi cục trưởng Chi cục Thi hành án dân sự thị xã An Khê kê biên, xử lý bán đấu giá tài sản của ông không đúng quy định của pháp luật trong khi ông không phải là người có nghĩa vụ thi hành án.

Kết quả giải quyết, Cục Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai đã ra Quyết định giải quyết khiếu nại số 1358/QĐ-CTHADS ngày 25/10/2017 trả lời chấp nhận một phần đơn khiếu nại của ông Kim Văn Thả, yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự thị xã An Khê hủy kết quả kê biên ngày 12/01/2016 và xác minh lại điều kiện thi hành án của người phải thi hành án (bà Trần Thị Dung), xác định rõ tài sản của bà Dung trong khối tài sản chung với ông Kim Văn Thả để có biện pháp tổ chức thi hành án tiếp theo đúng quy định của pháp luật, bảo đảm quyền lợi hợp pháp của người có quyền và nghĩa vụ liên quan.

2- Vụ khiếu nại của ông Đặng Văn Sang - trú tại tổ dân phố 4, thị trấn Chu Sê, huyện Chu Sê, tỉnh Gia Lai khiếu nại Quyết định cưỡng chế kê biên số 04/QĐ-CCTHAD ngày 16/11/2017 của Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chu Sê.

Qua xem xét giải quyết khiếu nại, Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chu Sê nhận thấy việc Chấp hành viên ban hành Quyết định cưỡng chế số 04/QĐ-CCTHAD ngày 16/11/2017 về việc cưỡng chế kê biên quyền sử dụng đất và tài sản trên đất của bà Hiếu để thi hành án là phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó, ngày 25/12/2017 Chi cục trưởng Chi cục THADS huyện đã ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 03/QĐ-CCTHADS không chấp nhận khiếu nại của ông Đặng Văn Sang và sau khi được thông báo quyết định giải quyết khiếu nại thì ông Sang không khiếu nại tiếp.

Ngay nhận báo cáo: / /

KẾT QUẢ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ TÍNH BẰNG VIỆC
CHIA THEO CƠ QUAN THI HÀNH ÁN VÀ CHẤP HÀNH VIÊN
12 tháng / năm 2018

Đơn vị báo cáo:
CTHADS tỉnh Gia Lai
Đơn vị nhận báo cáo: Tổng cục
Thi hành án dân sự

Tên đơn vị	Tổng số thụ lý		Tổng số phái thi hành										Đơn vị tính: Việc					
	Chia ra:		Üy thác thi hành án	Cục THAD S rút tên thi hành	Có điều kiện thi hành		Chia ra:		Chưa có điều kiện thi hành	Tổng số chuyển kỳ sau	Tỷ lệ (xong + định/ Có điều kiện							
	Tổng số	Năm trước chuyển sang			Mới thụ lý	Tổng số phải thi hành	Tổng số có điều kiện thi hành	Đinh chi thi hành	Đang thi hành	Hoàn thi hành án	Tạm đình chỉ thi hành án	Tạm dừng THA để hợp khác						
A	1.00	2.00	3.00	4.00	5.00	6.00	7.00	8.00	9.00	10.00	11.00	12.00	13.00	14.00	15.00	16.00	17.00%	
Tổng số	14,680	5,733	8,947	114	8	14,566	10,940	8,060	243	2,522	94	12	-	9	3,626	6,263	75.90%	
1 AN KHÈ	969	320	649	1	-	968	813	581	31	176	23	2	-	-	155	356	75.28%	
1 Vũ Thành Sơn	256	108	148	1	-	255	175	119	10	31	13	2	-	-	80	126	73.71%	
2 Đỗ Hữu Tâm	220	68	152	-	-	220	184	149	3	32	-	-	-	-	36	68	82.61%	
3 Phạm Hải Cầm	269	90	179	-	-	269	244	164	13	57	10	-	-	-	25	92	72.54%	
4 Trịnh Xuân Toàn	224	54	170	-	-	224	210	149	5	56	-	-	-	-	14	70	73.33%	
2 AYUN PA	330	80	250	-	-	330	283	232	8	43	-	-	-	-	47	90	84.81%	
1 Nguyễn Minh Hào	236	66	170	-	-	236	195	155	6	34	-	-	-	-	41	75	82.56%	
2 Lê Văn Định	94	14	80	-	-	94	88	77	2	9	-	-	-	-	6	15	89.77%	
3 CHƯỚP	564	139	425	2	-	562	488	404	9	71	4	-	-	-	74	149	84.63%	
1 Trần Văn Phong	59	-	59	-	-	59	59	59	-	-	-	-	-	-	-	-	100.00%	
2 Nguyễn Xuân Võn	270	84	186	2	-	268	227	179	4	40	4	-	-	-	41	85	80.62%	
3 Vũ Thị Lan Anh	220	55	165	-	-	220	187	151	5	31	-	-	-	-	33	64	83.42%	
4 Phạm Thành Ba	15	-	15	-	-	15	15	15	-	-	-	-	-	-	-	-	100.00%	
4 CHỦ PRONG	916	299	617	10	-	906	756	559	9	181	7	-	-	-	150	338	75.13%	
1 Đặng Văn Việt	252	61	191	-	-	252	225	181	1	36	7	-	-	-	27	70	80.89%	
2 Siu Blöck	309	109	200	-	-	309	260	177	3	80	-	-	-	-	49	129	69.23%	
3 Huỳnh Hoàng	10	4	6	-	-	10	10	8	2	-	-	-	-	-	-	-	100.00%	
4 Trịnh Văn Tuyên	345	125	220	10	-	335	261	193	3	65	-	-	-	-	74	139	75.10%	
5 CHỦ PUH	786	279	507	-	-	786	602	363	6	222	2	-	-	-	9	184	417	61.30%
1 CHV Huyền	220	67	153	-	-	220	188	138	-	50	-	-	-	-	32	82	73.40%	
2 CHV Huy	276	121	155	-	-	276	192	90	5	93	-	-	-	-	2	84	181	49.48%
3 CHV Minh	290	91	199	-	-	290	222	135	1	79	-	-	-	-	7	68	154	61.26%
6 CHỦ SÊ	1156	495	661	11	2	1145	813	568	8	210	27	-	-	-	332	569	70.85%	
1 Văn Đức Học	41	23	18	2	-	39	20	12	8	-	-	-	-	-	19	27	60.00%	
2 La Văn Thịnh	300	132	168	-	-	300	214	155	1	56	2	-	-	-	86	144	72.90%	

		Tổng số thi hành												Tỷ lệ (xong + định kỳ sau)				
Chia ra:		Tổng số Năm trước chuyển sang	Mỗi thí hành án	Úy thác thi hành lên thi hành	Cục THAD S rút lên thi hành		Tổng số phai thi hành		Chia ra:		Đinh chi thi hành án	Tạm định chi thi hành án	Tạm định ThA để GQKN	Chưa có điều kiện thi hành	Tổng số chuyển kỳ sau	Tỷ lệ định kiện		
Có điều kiện thi hành					Tổng số có điều kiện thi hành		Thi chi thi hành án		Đang thi hành án									
A		1.00	2.00	3.00	4.00	5.00	6.00	7.00	8.00	9.00	10.00	11.00	12.00	13.00	14.00	15.00	16.00	17.00%
3	Nguyễn Thị Thu Hằng	184	39	145	2	182	164	122	42							18	60	74.39%
4	Huỳnh Văn Bay	302	126	176	4	2	298	217	140	2	53	22				81	156	65.44%
5	Hồ Hoàng Ngọc	329	175	154	3		326	198	139	5	51	3				128	182	72.73%
7	CỤC	363	223	140	7		356	206	157	3	45	1				150	196	77.67%
1	Nguyễn Phúc Chiên	23	23	23	23		23	23	1	1	1							100.00%
2	Phạm Văn Đề	7	7				7	1	1							6	6	100.00%
3	Lê Tiến Dươn	1	1				1	1	1									100.00%
4	Nguyễn Hữu Đức	20	16	4			20	8	6			2				12	14	75.00%
5	Lê Trần Mỹ Hạnh	49	30	19	2		47	27	20		6	1				20	27	74.07%
6	Nguyễn Văn Hậu	46	27	19			46	27	20		7					19	26	74.07%
7	Huỳnh Thị Tuyết Hương	44	34	10	3		41	30	23		7					11	18	76.67%
8	Trần Văn Phong	13	13				13	4			4					9	13	
9	Trần Thành Sơn	50	25	25	1		49	30	22	1	7					19	26	76.67%
10	Hồ Thị Tiên	38	18	20	1		37	20	15		5					17	22	75.00%
11	Vũ Thành Trung	53	38	15			53	23	17		6					30	36	73.91%
12	Nguyễn Thủ Trương	6	4	2			6	6	6									100.00%
13	Nguyễn Văn Vĩnh	12	10	2			12	5	2	2	1					7	8	80.00%
14	Cao Trường Vũ	1	1	1	1		1	1	1									100.00%
8	ĐÁK ĐOA	807	225	582	10		797	676	516	18	120	22				121	263	78.99%
1	Thái Thị Cẩm Tú	265	93	172	2		263	216	180	3	27	6				47	80	84.72%
2	Đặng Tân Dũng	185	94	91	2		183	160	110	10	40					23	63	75.00%
3	Bùi Hoàng Anh	163	38	125	2		161	129	95	2	31	1				32	64	75.19%
4	Huỳnh Hoàng	194	194	4			190	171	131	3	22	15				19	56	78.36%
9	ĐÁK PO	365	156	209	4		361	255	198	3	54					106	160	78.82%
1	Ngô Thanh Nghị	144	82	62	1		143	78	66		12					65	77	84.62%
2	Nguyễn Hữu Phước	205	68	137	2		203	162	118	2	42					41	83	74.07%
3	Nguyễn Bá Dũng	16	6	10	1		15	15	14	1								100.00%
10	ĐÚC CÓ	442	138	304	1		441	394	302	7	84	1				47	132	78.43%
1	CHV Bùi Thị Ngọc Nữ	224	59	165			224	222	180	4	37	1				2	40	82.88%
2	CHV Trương Ngọc Hiệp	218	79	139	1		217	172	122	3	47					45	92	72.67%
11	IA GRAI	908	325	583	12		896	656	491	14	146	2	3			240	391	76.98%
1	CHV Nguyễn Hồng Nam	114	29	85	1		113	93	70		21	2				20	43	75.27%
2	CHV Vũ Đình Hưng	266	139	127	3		263	145	106	4	32	3				118	153	75.86%

Tên đơn vị	Tổng số thi lý		Tổng số phải thi hành												Tỷ lệ (xong + định kỳ sau)	Tỷ lệ ch/ Có điều kiện					
	Chia ra:		Üy thác	Cục THAD	Có điều kiện thi hành			Chia ra:			Chưa có điều kiện thi hành										
	Tổng số	Năm trước chuyển sang			Mới thi hành	Thí hành	Định chỉ thi hành	Hoàn thành	Tạm đình chỉ thi hành	Tạm dừng THA để hợp khác											
			A		1.00	2.00	3.00	4.00	5.00	6.00	7.00	8.00	9.00	10.00	11.00	12.00	13.00	14.00	15.00	16.00	17.00%
3	CHV Nguyễn Văn Tiên				321	88	233	5	316	245	175	5	65		71	136	73.47%				
4	CHV Ksor HRÍ				152	69	83	3	149	118	86	4	28		31	59	76.27%				
12	LA PA				306	104	202	1	305	234	198	5	31		71	102	86.75%				
1	Đinh Văn Năm				125	35	90		125	105	91	1	13		20	33	87.62%				
2	Nguyễn Văn Chính				181	69	112	1	180	129	107	4	18		51	69	86.05%				
13	KBANG				728	106	622	3	725	627	518	4	105		98	203	83.25%				
1	CHV Nguyễn Bá Giáp				207		207		207	205	202	3			2	5	98.54%				
2	CHV Phạm Thành Ba				146	1	145	2	144	144	142	2					100.00%				
3	CHV Nguyễn Sơn Nam				375	105	270	1	374	278	174	2	102		96	198	63.31%				
14	KONG CHRO				189	62	127		189	131	94	5	32		58	90	75.57%				
1	Đặng Đinh Chân				79	21	58		79	59	46	13			20	33	77.97%				
2	Nguyễn Bá Dũng				110	41	69		110	72	48	5	19		38	57	73.61%				
15	KRONG PA				584	260	324	6	578	403	275	20	108		175	283	73.20%				
1	CHV Bùi Văn Huy				121	7	114		121	121	121						100.00%				
2	CHV Trương Thị Nga				128	75	53	2	126	77	42	2	33		49	82	57.14%				
3	CHV Rah Lan Yun				280	151	129	4	276	164	103	16	45		112	157	72.56%				
4	CHV Hoàng Văn Phượng				55	27	28		55	41	9	2	30		14	44	26.83%				
16	MANG YANG				493	140	353	10	483	440	330	11	99		43	142	77.50%				
1.1	Nguyễn Hữu Tài				171	21	150	3	168	161	121	3	37		7	44	77.02%				
1.2	Lê Tiến Ngọc				164	55	109	1	163	145	107	7	31		18	49	78.62%				
1.3	Bùi Quang Vinh				158	64	94	6	152	134	102	1	31		18	49	76.87%				
17	PHÚ THIỆN				619	344	275	3	616	392	279	17	95	1		224	320	75.51%			
	Romah Y But				122	49	73		122	95	79		16			27	43	83.16%			
	Nguyễn Duy Huân				229	164	65	3	226	119	80	7	32		107	139	73.11%				
	Lê Văn Thuận				268	131	137		268	178	120	10	47	1		90	138	73.03%			
18	PLEIKU				4155	2038	2117	33	6	4122	2771	1995	65	700	7	4	1351	2062	74.34%		
1	Vũ Văn Quyền				28	3	25		28	27	19	2	6			1	7	77.78%			
2	Đào Anh Tuấn				357	186	171	2	355	199	155	2	42		156	198	78.89%				
3	Trần Văn Tuấn				468	256	212	12	456	284	204	7	70	1	2		172	245	74.30%		
4	Lê Trung Dũng				37	9	28		37	37	35	2					100.00%				
5	Nguyễn Tân Tài				452	242	210	3	449	303	214	9	80		146	226	73.60%				
6	Trần Lê Minh Hòa				543	291	252	4	539	320	223	9	85	3		219	307	72.50%			
7	Nguyễn Quang Khải				362	176	186	3	359	230	183	5	42			129	171	81.74%			

Tổng số thu lý		Tổng số phải thi hành												Tỷ lệ (xong + định)				
Tên đơn vị	Chia ra:	Có điều kiện thi hành								Chia ra:				Tổng số chuyển kỳ sau	Có điều kiện			
		Tổng số	Năm trước	Mới	Üy	Cục	Tổng số	Tổng số	Đinh	Đang	Hoàn	Tạm	Trướ					
			chuyển sang	thu lý	thác	THAD	S rút	có điều kiện thi hành	chỉ thi hành	thi hành	định thi hành	dừng thi hành	ng hợp	kiện thi hành				
	A	1.00	2.00	3.00	4.00	5.00	6.00	7.00	8.00	9.00	10.00	11.00	12.00	13.00	14.00	15.00	16.00	17.00%
8	Cao Trưởng Vũ	173	55	118			173	173	97		76						76	56.07%
9	Diệp Tự Nhâm	177	146	31			177	57	46	1	10						120	82.46%
10	Trương Ngọc Hiệp	18	14	4			18	18	15	3								100.00%
11	Đỗ Ngọc Đông Quέ	70	3	67			70	69	51	1	17						1	18.75.36%
12	Đoàn Ngọc Thạch	197	62	135			197	180	127	5	47						17	65.73.33%
13	Nguyễn Văn Tiến	527	274	253	4		523	313	216	12	82	2	1				210	295.72.84%
14	Hoàng Thoan	369	82	287	5		364	338	250	3	84	1					26	111.74.85%
15	Lê Tiến Dươn	377	239	138			377	223	160	4	59						154	213.73.54%

Gia Lai, ngày 01 tháng 10 năm 2018

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG



Trần Thị Quỳnh Phương

Phan Đình Hưng

KẾT QUẢ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ TỈNH BẮC VIỆC

TÀI LIỆU HỌC

Đơn vị báo cáo:
CTHADS tỉnh Gia Lai

Chia ra:																
Có điều kiện thi hành																
Chia ra:																
Tổng số chuyển sang																
Năm trước																
Mỗi thứ																
Úy thác thi hành án																
Cục ThADS rút lên thi hành																
Tổng số phải điều kiện thi hành																
Tổng số có điều kiện thi hành																
Thi hành xong																
Đinh chi hành án																
Giám thi hành án																
Đang thi hành																
Hoàn tín thi hành																
Tâm định THA để GOKN																
Tâm định THA để hợp khác																
Chun có điều kiện hành																
Tổng số chuyển kỳ sau																
Tỷ lệ (kồng + định chỉ/ Có điều kiện)																

Có điều kiện thi hành																			
Chia ra:																			
Chia ra:																			
Tên đơn vị	Tổng số	Úy thác thi hành án	Cục ThADS rút lên thi hành	Tổng số phải điều kiện thi hành	Tổng số có điều kiện thi hành	Thi hành	Đinh chi hành án	Giám thi hành án	Đang thi hành	Hoàn tín thi hành	Tâm định THA để GOKN	Tâm định THA để hợp khác	Chun có điều kiện hành	Tổng số chuyển kỳ sau	Tỷ lệ (kồng + định chỉ/ Có điều kiện)				
A	I	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	
2. Nguyễn Hữu Phước	8,383,565	3,434,042	4,949,523	517,000	7,866,565	5,885,190	2,864,161	232,001	2,7789,028	-	-	-	-	1,981,375	4,770,403	52,61%			
3. Nguyễn Bá Dũng	214,832	193,012	211,810	200	214,622	178,692	36,000	-	-	-	-	-	-	10,00	10,00%				
10. ĐỨC CỐ	21,303,244	14,357,296	6,945,948	400	-	21,302,844	10,363,126	2,811,480	561,701	-	-	6,989,745	-	10,939,718	17,929,663	32,55%			
1. CHV Bùi Thị Ngọc Nữ	3,456,460	1,348,544	2,107,916	-	-	3,456,460	3,450,088	1,719,026	226,000	-	-	1,504,862	-	6,372	1,51,434	56,38%			
2. CHV Trương Ngọc Hiệp	17,846,784	13,008,752	4,838,032	400	-	17,846,384	6,913,038	1,092,454	335,701	-	-	5,484,883	-	16,418,229	20,66%				
11. IA GRAL	45,518,155	28,111,500	17,406,655	-	2,533,883	-	42,984,272	17,336,636	5,713,560	771,657	-	10,344,201	410,000	97,218	-	25,647,656	36,499,055	37,41%	
1. CHV Nguyễn Hồng Nam	6,848,345	3,048,608	3,800,211	207,838	-	6,640,981	5,209,555	1,705,349	2,418,586	32,299	-	-	5,503,246	410,000	97,218	-	5,502,194	16,845,333	34,76%
2. CHV Vũ Đình Hưng	20,105,908	13,538,702	6,567,206	809,692	-	19,296,216	7,051,349	1,328,540	4,500	-	-	-	-	-	-	12,244,867	16,845,333	34,76%	
3. CHV Nguyễn Văn Tiến	13,911,382	8,146,948	5,764,434	1,506,300	-	12,405,082	4,928,835	1,228,274	576,245	-	-	3,124,316	-	-	-	7,476,247	10,600,563	36,61%	
4. CHV Ksor Hri	4,426,371	3,377,242	1,049,129	10,053	-	4,416,318	2,521,222	702,238	163,113	-	-	1,655,871	-	-	-	1,895,096	3,550,967	34,32%	
12. IA PA	5,614,721	3,739,393	1,875,328	4,500	-	5,610,221	1,738,119	861,165	283,126	-	-	593,828	-	-	-	3,872,102	4,465,950	65,84%	
Đinh Văn Năm	12,745,000	5,207,271	3,218,686	1,683,585	4,500	-	7,124,450	3,422,679	191,743	-	-	153,878	-	-	-	369,771	523,649	55,10%	
Nguyễn Văn Chính	13. KBANG	15,933,012	6,473,415	9,008,958	-	15,933,262	1,988,832	20,604	6,006,240	-	-	3,499,284	-	-	-	6,499,284	12,805,524	33,10%	
1. CHV Nguyễn Bá Giáp	1,539,151	45,588	1,493,663	424,570	-	1,114,581	1,114,581	521,162	585,731	7,688	-	-	-	-	-	459,889	472,001	93,44%	
2. CHV Phạm Thành Ba	13,749,283	6,427,927	7,321,356	200	-	13,749,083	7,709,688	1,199,523	12,916	5,994,128	-	-	6,039,395	-	-	12,033,523	22,08%		
3. CHV Nguyễn Sơn Nam	6,046,779	2,383,838	3,662,940	-	-	6,046,475	2,026,412	168,364	-	-	-	-	-	-	1,950,303	3,852,003	53,58%		
14. KONG CHRO	2,595,789	446,455	2,425,354	-	-	2,595,789	2,425,179	1,617,040	5,000	-	-	803,139	-	-	170,610	973,749	66,88%		
1. Đặng Định Chấn	3,450,990	1,937,383	1,513,606	-	-	3,450,990	1,671,296	409,372	163,364	-	-	1,098,560	-	-	1,779,693	2,878,254	34,27%		
2. Nguyễn Bá Dũng	11,645,572	6,232,411	5,413,161	651,249	-	10,994,323	7,523,995	1,985,749	616,084	-	-	4,922,162	-	-	3,470,328	8,392,490	34,58%		
15. KRONG PA	1,385,778	912,824	1,385,778	1,385,778	-	1,385,778	1,277,778	108,000	-	-	-	-	-	-	-	100,00%			
1. CHV Bùi Văn Huy	3,217,266	1,394,336	1,633,930	620,000	-	2,407,266	1,952,735	143,662	13,765	1,795,308	-	-	454,531	-	-	2,249,839	8,06%		
2. CHV Trương Thị Nghé	4,218,817	3,193,635	1,023,182	31,249	-	4,187,568	1,596,578	528,685	393,669	674,224	-	-	-	-	-	2,500,990	3,265,214	57,77%	
3. CHV Rah Lan Yun	3,013,711	1,171,486	1,842,225	-	-	3,013,711	2,588,904	35,624	100,650	2,452,630	-	-	-	-	-	424,807	2,877,437	52,26%	
16. MANG YANG	15,940,026	6,900,258	9,039,768	3,176,329	-	12,763,697	9,474,004	3,320,905	795,245	-	-	5,357,794	-	-	3,289,693	8,647,487	43,45%		
1. Nguyễn Hữu Tài	6,653,664	1,963,088	3,058,682	3,058,682	-	5,320,007	2,178,526	644,229	403,839	-	-	1,130,458	-	-	1,416,456	2,546,914	48,11%		
1. Lê Tiên Ngọc	5,321,507	2,813,405	2,508,102	1,500	-	5,320,007	4,865,520	1,281,573	370,606	-	-	3,213,341	-	-	454,487	3,667,828	33,98%		
1. Bùi Quang Vinh	3,964,835	2,126,277	1,838,578	116,147	-	3,848,708	2,429,598	1,395,163	20,800	1,013,995	-	-	1,418,750	-	-	3,507,554	5,779,970	53,42%	
17. PHÚ THIỀN	9,624,793	5,883,979	3,740,814	9,130	-	9,615,663	6,048,109	2,227,010	1,608,683	-	-	2,136,836	75,580	-	3,507,554	5,779,970	53,42%		
1. Romanh Y But	1,062,839	856,931	205,928	-	-	1,062,839	671,373	380,765	290,608	-	-	641,222	-	-	391,486	682,094	56,71%		
1. Nguyễn Duy Huân	5,023,585	2,849,972	2,173,613	9,130	-	5,014,455	3,535,120	1,228,485	1,486,413	-	-	1,227,270	-	-	1,658,335	2,299,577	80,89%		
Lê Văn Thuần	3,538,349	2,177,076	1,361,273	-	-	3,538,349	2,020,616	617,760	122,270	-	-	1,205,006	75,580	-	2,798,319	36,62%			
18. PLEIKU	37,572,542	29,455,557	81,065,667	11,715,141	-	4,549,229	363,910,283	200,601,508	41,018,408	33,663,927	-	-	124,986,410	695,887	236,676	-	163,308,97		

Biểu số: 05/TK-THA
 Ban hành theo TT số: 08/2015/TT-BTP
 ngày 26 tháng 6 năm 2015
 Ngày nhận báo cáo: / /

KẾT QUẢ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ TỈNH BẮNG TIỀN
Thu cho Ngân sách nhà nước, tổ chức, cá nhân được thi hành án
I2 tháng / năm 2018

Đơn vị báo cáo:
 CTHADS tỉnh Gia Lai
 Đơn vị nhận báo cáo: Tổng cục
 Thi hành án dân sự
 Đơn vị tính: 1.000 VN đồng

		Chia theo đối tượng được thi hành án								
Tên chỉ tiêu		Tổng số	Thu cho Ngân sách nhà nước				Chia ra:			
		Tổng số	Án phí	Lệ phí	Phạt	Tịch thu	Truy thu	Thu khác	Thu cho tổ chức cơ quan, tổ chức	Thu cho cá nhân
A	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
I	Tổng số thụ lý	1,138,758,527	64,696,834	39,666,585	5,700	6,584,174	6,592,948	2,512,062	9,335,365	579,899,859
1	Năm trước chuyển sang	817,428,095	33,700,237	26,331,837	2,200	3,851,372	561,808	2,203,895	749,125	458,132,017
2	Mới thụ lý	321,330,431	30,996,596	13,334,747	3,500	2,732,802	6,031,140	308,167	8,586,240	121,767,841
II	Üy thác thi hành án	33,204,259	959,703	744,473	-	137,797	880	5,903	70,650	22,261,579
III	Cục THADS rút lên thi hành	4,738,229	65,041	65,041	-	-	-	-	4,195,238	477,950
IV	Tổng số phải thi hành	1,105,554,268	63,737,130	38,922,111	5,700	6,446,377	6,592,068	2,506,159	9,264,715	557,638,280
1	Có điều kiện thi hành	517,591,436	37,355,102	20,578,924	3,500	3,677,101	3,655,932	1,005,975	8,433,670	250,244,818
1.1	Thi hành xong	132,083,631	20,444,381	9,420,070	3,500	1,500,761	1,274,174	459,781	7,786,094	61,566,743
1.2	Định chỉ thi hành án	53,933,349	204,287	159,785	-	44,000	-	-	502	9,268,275
1.3	Giảm thi hành án	44,371	44,371	17,480	-	19,203	7,688	-	-	-
1.4	Đang thi hành	316,121,540	16,068,622	10,394,028		2,113,136	2,374,070	541,194	646,193	177,402,182
1.5	Hoãn thi hành án	13,711,788	502,749	501,869				880	1,245,604	11,963,435
1.6	Tạm đình chỉ thi hành án	955,872	11,687	6,687				5,000	762,014	182,171

1.7	Tạm dừng thi hành án để giải quyết khiếu nại	-	-									
1.8	Trường hợp khác	740,886	29,216	29,216								711,670
2	Chưa có điều kiện thi hành	587,962,831	26,382,028	18,343,179	2,200	2,769,276	2,936,136	1,500,184	831,045	307,393,462	254,187,342	
V	Tỷ lệ % = (Xong+đinh chỉ + giảm)/Có điều kiện *100%	35.95%	55.40%	46.64%	100.00%	42.53%	35.06%	45.71%	92.33%	28.31%	41.08%	

NGƯỜI LẬP BIỂU

Trần Thị Quỳnh Phương



Phan Đình Hưng

KT. CỤC TRƯỞNG

PHÓ CỤC TRƯỞNG

Gia Lai, ngày 01 tháng 10 năm 2018

Gia Lai

KẾT QUẢ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ TÍNH BẮNG VIỆC
Thu cho Ngân sách nhà nước
12 tháng năm 2018

Đơn vị lập biểu mẫu: Cục THADS Gia Lai
 Đơn vị nhận biểu mẫu: TrTTK, QLDL,
 UDCNTT

Đơn vị tính: Việc

Tên chỉ tiêu		Tổng số việc	Án phí	Lệ phí	Phạt	Tịch thu	Truy thu	Thu khác
A		1	2	3	4	5	6	7
I	Tổng số thụ lý	10,376	8,395	38	286	206	102	1,349
1	Năm trước chuyển sang	3,460	3,057	12	155	49	73	114
2	Mới thụ lý	6,916	5,338	26	131	157	29	1,235
II	Ủy thác thi hành án	70	61	-	3	-	1	5
III	Cục THADS rút lên thi hành	2	2	-	-	-	-	-
IV	Tổng số phải thi hành	10,306	8,334	38	283	206	101	1,344
1	Có điều kiện thi hành	7,997	6,241	38	205	186	73	1,254
1.1	Thi hành xong	6,721	5,271	27	124	95	42	1,162
1.2	Định chỉ thi hành án	23	18	-	2	-	-	3
1.3	Đang thi hành	1,210	914	11	79	91	31	84
1.4	Hoãn thi hành án	36	31	-	-	-	-	5
1.5	Tạm đình chỉ thi hành án	4	4	-	-	-	-	-
1.6	Tạm dừng thi hành án để giải quyết khiếu nại	-	-	-	-	-	-	-
1.7	Trường hợp khác	3	3	-	-	-	-	-
2	Chưa có điều kiện thi hành	2,309	2,093	-	78	20	28	90
V	Tỷ lệ % = (Xong+định chỉ)/Có điều kiện *100%	84%	85%	71%	51%	58%	93%	

NGƯỜI LẬP BIỂU

CỤC TRƯỞNG

Gia Lai, ngày 01 tháng 10 năm 2018

Phan Dinh Huong



THỐNG KÊ THEO NGUYÊN NHÂN

TT	Nguyên nhân	Số việc	Số tiền		
			Số tiền, tài sản phải thi hành án	Số tiền, tài sản đã thi hành án	Số tiền, tài sản còn phải thi hành
I	Có điều kiện thi hành án				
1	1.Thi hành xong	297	326,398,428	53,226,162	273,172,266
2	2.Định chỉ thi hành án	54	28,507,767	28,507,767	-
3	3.Đang thi hành	7	1,511,507	1,511,507	-
4	4.Hoãn thi hành án	231	294,197,748	23,206,888	270,990,860
5	5.Tạm định chỉ thi hành án	2	1,246,084	-	1,246,084
6	6.Tạm dừng thi hành án để giải quyết khiếu nại	1	348,841	-	348,841
7	7.Đang trong thời gian tự nguyện thi hành án	-	-	-	-
8	8.Đang trong thời gian chờ ý kiến chỉ đạo nghiệp vụ của cơ quan có thẩm quyền	1	444,897	-	444,897
9	9.Đang trong thời gian chờ ý kiến Ban Chỉ đạo thi hành án dân sự	1	141,584	-	141,584
II	Chưa có điều kiện thi hành				
III	Tỷ lệ (Thi hành xong + định chỉ) / Tổng số phải thi hành		14.45%	15.13%	
	Công		422	500,657,070	75,753,319
					424,903,751

Biểu số: 08/TK-THA

SỐ VIỆC ĐỀ NGHỊ TÒA ÁN XÉT MIỄN, GIẢM
VÀ KẾT QUẢ XÉT MIỄN, GIẢM NGHĨA VỤ

Ban hành theo TT số: 08/2015/TT-B' ngày 26 tháng 6 năm 2015

12 tháng / năm 2018

Ngày nhận báo cáo:/...../.....

Đơn vị gửi báo cáo:

CTHADS tỉnh Gia Lai

Đơn vị nhận báo: Tổng

Thi hành án dân sự

Đơn vị tính: Việc và 1.000

Tên đơn vị	Tổng số việc và số tiền đã đề nghị Tòa án xét miễn, giảm nghĩa vụ thi hành án dân sự						Chia ra:					
	Tổng số đã đề nghị xét miễn, giảm			Tổng số đã xét miễn, giảm			Số đã đề nghị xét miễn		Số đã xét miễn		Số đã đề nghị giảm	
	Số việc	Số tiền	Số việc	Số tiền	Số việc	Số tiền	Số việc	Số tiền	Số việc	Số tiền	Số việc	Số tiền
A	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Tổng số	13	63,011	5	47,411	10	18,640	2	3,040	3	44,371	3	44,371
1 An Khê												
2 Ayun Pa												
3 Chư Păh	1	1,540	1	1,540	1	1,540	1	1,540				
4 Chư Prong												
5 Chư Sê												
6 Chư Purh												
7 Cục												
8 Đăk Đoa	1	23,767	1	23,767					1	23,767	1	23,767
9 Đăk Po	8	15,600	0	0	8	15,600	0	0	0	0	0	0
10 Đức Cơ												
11 Ia Grai												
12 Ia Pa												
13 Kbang	3	22,104	3	22,104	1	1,500	1	1,500	2	20,604	2	20,604
14 Kong Chro												
15 Krong Pa												
16 Mang Yang												
17 Phú Thiện												
18 Pleiku												

Gia Lai, ngày 01 tháng 10 năm 2018

NGƯỜI LẬP BIỂU

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

Trần Thị Quỳnh Phương

Phan Đình Hưng



TỔNG CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ
CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ
TỈNH GIA LAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC

**THỐNG KÊ PHẦN TRÁCH NHIỆM DÂN SỰ CỦA NGƯỜI PHẢI THI HÀNH ÁN ĐANG CHẤP HÀNH
ÁN PHẠT TÙ TẠI TRẠI GIAM, TRẠI TẠM GIAM 12 THÁNG NĂM 2018
(Từ ngày 01/10/2017 đến ngày 30/9/2018)**

Đơn vị: 1.000 đồng

TT	Đơn vị	Tổng thu lý số việc, giá trị mà người phải thi hành án đang chấp hành án án phạt tù tại Trại giam, Trại tạm giam				Đã thi hành được	Ghi chú
		Tổng số việc	Năm trước chuyên sang	Mối thu lý	Tổng số tiền		
1	Cục THADS tỉnh	120	41	79	33,937,214	17,754,600	67 2,758,816 0
2	Chi cục THADS TX An Khê	48	22	26	1,457,732	1,201,253	256,479 17 119,000
3	Chi cục THADS TX Ayunpa	33	7	26	238,233	115,633	122,600 21 91,766
4	Chi cục THADS huyện Chư Păh	100	44	56	6,059,097	4,992,952	1,066,145 53 1,000,318
5	Chi cục THADS huyện Chư Prong	43	7	36	1,031,778	466,807	564,971 34 699,596
6	Chi cục THADS huyện Chư Puh	94	8	86	780,032	47,535	732,497 62 214,783
7	Chi cục THADS huyện Chư Sê	199	131	68	1,327,332	954,148	373,184 54 192,426
8	Chi cục THADS huyện Đăk Đoa	48	8	40	1,575,131	36,035	1,539,096 25 431,177
9	Chi cục THADS huyện Đăk Pơ	8	6	2	32,950	28,750	4,200 4 9,500
10	Chi cục THADS huyện Đức Cơ	99	37	62	1,150,151	268,877	881,274 57 181,572

11	Chi cục THADS huyện Ia Grai	139	67	72	612,976	391,952	221,024	63	189,181
12	Chi cục THADS huyện Ia Pa	25	23	2	821,975	777,775	44,200	5	116,283
13	Chi cục THADS huyện Kbang	115	18	97	2,353,553	697,610	1,655,943	77	298,656
14	Chi cục THADS huyện Kong Chro	30	12	18	508,496	216,921	291,575	17	262,975
15	Chi cục THADS huyện Krong Pa	18	11	7	256,823	188,373	68,450	4	19,800
16	Chi cục THADS huyện Mang Yang	8	3	5	36,008	11,108	24,900	4	22,853
17	Chi cục THADS huyện Phú Thiện	43	41	2	615,883	589,401	26,482	1	27,642
18	Chi cục THADS thành phố Pleiku	846	499	347	5,130,387	2,138,380	2,992,007	356	653,423
TỔNG SỐ		2,016	985	1,031	57,925,751	30,878,110	27,047,641	921	7,289,767

Gia Lai, ngày 02 tháng 10 năm 2018

PHÓ CỤC TRƯỞNG

(Ký, ghi rõ họ và tên)



Phan Đình Hưng

Trần Thị Quỳnh Phuong

Biểu số: 10/TK-THA
 Ban hành theo TT số: 08/2015/TT-BTP
 ngày 26 tháng 6 năm 2015/13
Ngày nhận báo cáo

SO VIỆC CƯỜNG CHẾ THI HÀNH AN KHONG HUY ĐỘNG LỰC
LƯỢNG VÀ CÓ HUY ĐỘNG LỰC LUỢNG
12 tháng / năm 2018

Đơn vị gửi báo cáo:
 CTHADS tỉnh Gia Lai
 Đơn vị nhận báo: **Tổng cục
 Thi hành án dân sự**

Đơn vị tỉnh: **Viet**

Tên đơn vị	Tổng số việc đã ra quyết định cưỡng chế	Số việc đã ra quyết định cưỡng chế						Kết quả cưỡng chế			
		Chia ra:			Số việc cưỡng chế có huy động lực lượng			Số việc đương sự tự nguyện thi hành trước khi cưỡng chế	Số việc cưỡng chế thành công	Số việc cưỡng chế không thành công	
		Tổng số việc chế không huy động lực lượng	Số việc cưỡng chế có huy động lực lượng	Số việc huy động lực lượng dưới 10 người	Số việc huy động lực lượng từ 10 đến dưới 20 người	Số việc huy động lực lượng từ 20 đến dưới 50 người					
I	Cục Thi hành án DS	9	1	8	8	0	0	0	1	8	0
II	Các Chi cục THADS	189	52	137	53	80	4	0	5	183	1
1	An Khê	7	6	1	1	0	0	0	1	6	0
2	Ayun Pa	4	1	3	1	0	2	0	2	2	0
3	Chư Păh										
4	Chư Prong	37	7	30	0	30	0	0	0	37	0
5	Chư Sê	10	4	6	6	0	0	0	10	0	
6	Chư Puh	35	2	33	0	33	0	0	0	35	0
7	Đăk Đoa	10	2	8	8	0	0	0	0	10	0
8	Đăk Po										
9	Đức Cơ	6		6		6			6		
10	Ia Grai	20	19	1		1			20	0	
11	Ia Pa										
12	Kbang	5	0	5	0	4	1		5		
13	Kong Chro	5	3	2	0	2		2	2	1	
14	Krong Pa	5	3	2	1	1	0	0	5	0	
15	Mang Yang	4	0	4	0	4		0	4		
16	Phú Thiện										
17	Pleiku	41	5	36	36				41		

Gia Lai, ngày 01 tháng 10 năm 2018

NGƯỜI LẬP BIỂU

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

Phan Đình Hùng



TỈNH GIA LAI

**Phụ lục 3: DANH SÁCH CÁC BẢN ÁN, QUYẾT ĐỊNH CỦA TÒA ÁN VỀ VỤ ÁN HÀNH CHÍNH
CHƯA ĐƯỢC CỤC THI HÀNH XONG TÍNH ĐẾN NGÀY 30/9/2018**

TT Người phải thi hành án và tên Tòa án)	Bản án, quyết định phải thi hành (số, ngày, tháng, năm và tên Tòa án)	Thời điểm bản án, quyết định có hiệu lực	Nghĩa vụ phải thi hành án	Quyết định buộc thi hành án (số, ngày, tháng, năm và tên Tòa án ra ra QĐ buộc THAHC- nêu có)	Lý do chưa thi hành án	Đề xuất, kiến nghị
I 2	3	4	5	6	7	8
Ủy ban nhân dân huyện Đak Po	83/2017/HC- PT ngày 28/6/2017 của TAND cấp cao tại Đà Nẵng	Kè từ ngày tuyên án đất; - Hủy GCN QSD đất, QSH nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất do UBND huyện cấp cho bà Mai Thị Đào	- Hủy QĐ số 07/QĐ-UBND ngày 10/01/2013 của UBND huyện Đak Po về việc thu hồi và hủy bỏ GCN QSD đất (theo Quyết định số 283/QĐ-UBND ngày 20/6/2018 của UBND huyện Đak Po). - Đối với nghĩa vụ: Hủy GCN QSD đất, QSH nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất do UBND huyện cấp cho bà Mai Thị Đào: UBND huyện Đak Po đã có báo cáo gửi UBND tỉnh Gia Lai giải trình về việc UBND huyện Đak Po chưa thực hiện hủy GCN QSD đất của bà Đào theo Bản án 83/2017/HC-PT ngày 28/6/2017 của TAND cấp cao tại Đà Nẵng được vi lý do sau khi được cấp GCN QSD đất bà Đào đã lập thủ tục tặng cho QSD một phần diện tích của thửa đất trên bằng hợp đồng tặng cho cho các con ruột của bà. Vì vậy, UBND huyện Đak Po không thể ban hành Quyết định thu hồi các GCN QSD đất mà bà Đào đã tặng cho các con bà. Đồng thời, bà Đào đã có đơn khiếu nại Quyết định số 01/2018/QĐ-THA ngày 16/01/2018 của TAND tỉnh Gia Lai và đã có đơn đề nghị giám đốc thẩm, tại thẩm giao đến TAND tối cao.	01/2018/QĐ-THA ngày 16/01/2018	Đã thi hành xong một phần: Hủy QĐ số 07/QĐ-UBND ngày 10/01/2013 của UBND huyện Đak Po về việc thu hồi và hủy bỏ GCN QSD đất (theo Quyết định số 283/QĐ-UBND ngày 20/6/2018 của UBND huyện Đak Po). Đối với nghĩa vụ: Hủy GCN QSD đất, QSH nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất do UBND huyện cấp cho bà Mai Thị Đào: UBND huyện Đak Po chưa thực hiện hủy GCN QSD đất của bà Đào theo Bản án 83/2017/HC-PT ngày 28/6/2017 của TAND cấp cao tại Đà Nẵng được vi lý do sau khi được cấp GCN QSD đất bà Đào đã lập thủ tục tặng cho QSD một phần diện tích của thửa đất trên bằng hợp đồng tặng cho cho các con ruột của bà. Vì vậy, UBND huyện Đak Po không thể ban hành Quyết định thu hồi các GCN QSD đất mà bà Đào đã tặng cho các con bà. Đồng thời, bà Đào đã có đơn khiếu nại Quyết định số 01/2018/QĐ-THA ngày 16/01/2018 của TAND tỉnh Gia Lai và đã có đơn đề nghị giám đốc thẩm, tại thẩm giao đến TAND tối cao.	Kiến nghị UBND tỉnh Gia Lai chỉ đạo UBND huyện Đak Po thực hiện Quyết định buộc THA hành chính của TAND tỉnh Gia Lai theo đúng quy định pháp luật
2	...					
Tổng						

Gia Lai..., ngày 02 tháng 10 năm 2018.

NGƯỜI LẬP BIỂU

KT.CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

Lê Tuấn Ngọc Hữu



Nguyễn Ngọc Dương